

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/DS-PT

Ngày 22-9-2021

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Lại Văn Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLPT-DS ngày 01-6-2021 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự số 16/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q; sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C; sinh năm 1931; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C:*

Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1948; địa chỉ: Số 52C, ngõ 52, L, phường T, quận H, thành phố H. Theo văn bản ủy quyền ngày 28-02-2020.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1; sinh năm 1938; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N.

2. Ông Nguyễn Văn T ; sinh năm 1948; địa chỉ: Số 52C, ngõ 52, L, phường T, quận H, thành phố H.

3. NLQ2; sinh năm 1937; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N.

4. NLQ4; sinh năm 1940; địa chỉ: Số nhà 13, đường V phường 9, C, Thành phố Đ .

5. NLQ5; sinh năm 1954, địa chỉ: Căn hộ 217, nhà A4, tập thể công cụ số 1, phường T, quận T, thành phố H.

6. NLQ6; sinh năm 1934; địa chỉ: Tổ 3, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

7. NLQ7; sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 130, Tổ 2, phường C, thành phố T, tỉnh T.

8. NLQ8 ; sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ 12, phường Q, Thành phố T, tỉnh T.

9. NLQ9 ; sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 3, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

10. NLQ10; sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 3, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

11. NLQ11; sinh năm 1940; địa chỉ: Số 10, Khu C, thị trấn X, huyện C, thành phố H.

12. NLQ12 ; sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 17, xã X, huyện X, tỉnh N.

13. NLQ13; sinh năm 1973; địa chỉ: Căn hộ 432 nhà A4, tập thể công cụ số 1, phường T, quận T, thành phố H.

14. NLQ14; sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 1, Khu C, thị trấn X, huyện C, thành phố H.

15. NLQ15 ; sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 1, Khu C, thị trấn X, huyện C, thành phố H.

- *Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10:*

Ông Nguyễn Văn Q ; sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N. Theo các văn bản ủy quyền ngày 19-02-2020.

16. Ủy ban nhân dân huyện X

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T ; chuyên viên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X . Theo văn bản ủy quyền ngày

- *Người làm chứng:*

1. NLC1; sinh năm 1956 và NLC2 ; sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 12B, xã Xuân Kiên, huyện X , tỉnh Nam Định.

2. NLC3 ; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q .

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Q có mặt. Những người tham gia tố tụng

khác vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ2; NLQ5; NLQ11; NLQ12; NLQ13; NLQ14; NLQ15; NLQ1; NLQ7 ; NLQ8; NLQ9; NLQ10. Ông Q trình bày:

Bố mẹ của ông là cụ Nguyễn Văn C , chết năm 1991, cụ Lương Thị T (tên gọi khác Nguyễn Thị C ), chết năm 2007. Cụ C và cụ T có 07 người con đẻ gồm: Ông Nguyễn Văn C , NLQ2, NLQ4, bà Nguyễn Thị I (bà I chết năm 2009, bà I có chồng là NLQ11 và 4 người con gồm: NLQ12 , NLQ13, NLQ14, NLQ15 ), ông Nguyễn Văn T , NLQ5 và ông. Trước khi Cụ C lấy cụ T , thì Cụ C có vợ là cụ M có 01 người con đẻ là ông Nguyễn Đức H (ông H chết ngày 14-11-2009, ông H có vợ là NLQ6 và có 4 người con gồm: NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10).

Khi còn sống cụ C, cụ T có mảnh đất ở tại xóm 6a nay là Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N. Trên đất có một ngôi nhà xây 03 gian nằm ở phía ngoài giáp trục đường xã (quay hướng Đông) và có 01 ngôi nhà gỗ 05 gian ở phía trong (quay hướng Nam), trước ngôi nhà gỗ 05 gian có một sân gạch nhỏ, ở phía trong cùng có bếp và vườn. Ngoài nhà đất này, bố mẹ ông không còn nhà đất, tài sản nào khác.

Năm 1956 ông C kết hôn với NLQ1, bố mẹ ông cho vợ chồng ông C ở ngôi nhà xây 03 gian phía ngoài (nhà quay hướng Đông), còn bố mẹ ông và các con khác ở ngôi nhà gỗ 05 gian phía trong. Khoảng năm 1969 năm 1970 do xã nắn lại sông, làm đường có đi qua phần đất và ngôi nhà xây 03 gian của bố mẹ ông đang cho vợ chồng ông C ở. Chính quyền địa phương đã đền bù, giải tỏa phần đất này bằng một mảnh đất có diện tích 368m<sup>2</sup> ở trong ngõ, gần với đất của bố mẹ ở và bố mẹ ông tiếp tục để cho vợ chồng ông C ở trong đó. Sau này, ông C mua thêm 190m<sup>2</sup> đất của NLC3 .

Trước đây ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế đối với bị đơn là ông. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19-11-2019 Tòa án nhân dân huyện X đã quyết định:

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về chia di sản thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn C ; cụ Lương Thị T .

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện X đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q , bà Hoàng Thị M ngày 15-7-2004.

Giao cho ông T được quyền sử dụng diện tích đất 54,5m<sup>2</sup> đất tại thửa số 153 tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N. Ông T không phải thanh toán giá trị cho ông C , NLQ4. Ông T được quyền sử dụng bức tường xây dài 15,55m trị giá 6.531.000đ và sân diện tích là 54,5m<sup>2</sup> trị giá 4.414.000đ; tổng là

11.014.000đ. Buộc ông T phải thanh toán cho vợ chồng ông Q , bà M số tiền là 11.014.000đ.

Giao cho vợ chồng ông Q , bà M được quyền sử dụng diện tích đất là 88,5m<sup>2</sup>; cộng với phần diện tích đất của Cụ C đã cho 143m<sup>2</sup>; tổng là 231,5m<sup>2</sup> tại thửa 153, tờ bản đồ số 4 và các công trình xây dựng nằm trên phần diện tích đất mà mình được quyền sử dụng. Ông Q , bà M không phải thanh toán giá trị cho NLQ2, NLQ5, NLQ1, NLQ7, NLQ8 , NLQ9 , NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15.

Tạm giao cho ông Q , bà M tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 50m<sup>2</sup> đất để làm từ đường. Sau này anh, chị, em và con cháu trong gia đình của hai Cụ C lấy làm từ đường thì vợ chồng ông Q , bà M phải có trách nhiệm.

Ông Q và bà M được nhận ở ông T số tiền thanh toán tài sản là 11.014.000 đồng. Buộc vợ chồng ông Q , bà M phải giao lại diện tích 54,5m<sup>2</sup> cho ông T. Buộc vợ chồng ông Q , bà M phải tháo dỡ những phần công trình và chuyển cây đi trên phần đất của ông T được hưởng quyền sử dụng.

Sau đó, ông và ông T kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xét xử: Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Q , bà Hoàng Thị M ngày 15-7-2004 và xác định di sản của cụ C, cụ T là 336m<sup>2</sup> đất tại thửa số 153, tờ bản đồ số 04 tại Xóm 5, xã X, huyện X và chia cho ông T được quyền sử dụng 30m<sup>2</sup> đất; chia cho vợ chồng ông Q , bà M được quyền sử dụng 256m<sup>2</sup> đất, buộc ông T phải thanh toán cho vợ chồng ông Q , bà M giá trị bức tường giáp đất ông C' là 4.244.000 đồng và thanh toán giá trị quyền sử dụng 1,4m<sup>2</sup> đất là 30.100.000 đồng. Buộc vợ chồng ông Q , bà M phải tháo dỡ những phần công trình và di chuyển cây trồng trên 30m<sup>2</sup> đất của ông T để trả lại mặt bằng cho ông T...Tạm giao cho vợ chồng ông Q , bà M tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 50m<sup>2</sup> đất để làm từ đường, sau này các con, các cháu Cụ C và cụ T làm từ đường thì vợ chồng ông Q , bà M phải có trách nhiệm trả lại.

Khi mẹ ông còn sống đã cùng với một số người con thỏa thuận để lại 50m<sup>2</sup> đất của bố mẹ ở cuối vườn làm từ đường (liền với thổ đất vợ chồng ông). Ông thấy nếu để 50m<sup>2</sup> đất làm từ đường thì rất xấu cả về phong thủy và kích thước, nên năm 2009 ông xây lại hướng nhà và để phần sân phía Nam có chiều rộng 5m, chiều dài 16m sử dụng chung và sau này làm từ đường. Nhưng ông T lại khởi kiện chia đất và ông C đồng ý. Khi giải quyết Tòa án đã chia cho ông T và ông C một phần đất mà ông dự định làm từ đường.

Quá trình sử dụng ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 710m<sup>2</sup> đất tại Xóm 5, xã X vào năm 1998. Năm 2018 vợ chồng ông C chuyển nhượng cho vợ chồng con gái, con rể là NLC2 và NLC1 300m<sup>2</sup> còn lại 410m<sup>2</sup> vợ chồng ông C sử dụng; kết quả đo đạc thực tế đất hộ ông C là 430m<sup>2</sup>, trong 430m<sup>2</sup> đất có 368m<sup>2</sup> đất của bố mẹ ông cho ông C NLQ1. Nhà, đất của bố mẹ ông cho ông

C, do xã nắn sông làm đường phạm vào và chuyển đổi cho vợ chồng ông C vào phía trong. Khi vợ chồng ông C chuyển vào ở 368m<sup>2</sup> đất phía trong mà xã X đền bù, lúc đó bố mẹ ông đều còn sống, bản thân bố mẹ ông và anh em ông đều biết việc này nhưng bố mẹ và tất cả các anh em không ai có ý kiến gì. Tuy nhiên, vì ông T khởi kiện ông ở vụ án trước, nếu như ông C là người hiểu biết, ông C trình bày bố mẹ đã cho ông C thừa đất sau đó được đền bù và không yêu cầu đòi hỏi gì, thì ông mặc nhiên thừa nhận đất 368m<sup>2</sup> là của ông C, nhưng vì ông C lại yêu cầu chia đất mà bố mẹ cho vợ chồng ông với lý do không có giấy tờ nên nay ông khởi kiện chia 368m<sup>2</sup> đất mà ông C ở.

Ông xác định 368m<sup>2</sup> đất là di sản của bố mẹ ông là căn cứ vào biên bản thu thập chứng cứ ngày 18-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện X có ghi “theo hồ sơ giấy tờ thì không thể hiện việc Cụ C cụ T cắt chia đất cho vợ chồng ông C nhưng thực tế vợ chồng ông C đã ở 03 gian nhà phía ngoài của Cụ C cụ T sau đó xã làm sông làm đường và đã đền bù cho gia đình ông C 368m<sup>2</sup> đất được hoán đổi vào vị trí đất mà hiện nay gia đình ông C đang sử dụng”... và bản án phúc thẩm số 58 ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có ghi “Sau khi ông C kết hôn với NLQ1, vợ chồng ông C ở ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ ngoài mặt đường, hai Cụ C và những người con khác của các cụ ở nhà phía trong. Khoảng năm 1969 hoặc năm 1970 xã X nắn sông và làm đường vào phần nhà 03 gian mà vợ chồng ông C ở, xã đã đền bù chuyển đổi và gia đình ông C vào mảnh đất phía bên trong ngõ mà hiện gia đình ông C đang ở”. Ngoài ra, ông căn cứ vào việc vợ chồng ông C NLQ1 đã ở trên đất, mà xã đền bù cho bố mẹ ông và bố mẹ ông tiếp tục cho ông C ở cho đến nay.

Khi bố mẹ ông cho vợ chồng ông C ở ngôi nhà xây 03 gian ngoài mặt đường, cho đến khi bố mẹ ông tiếp tục cho vợ chồng ông C ở trên mảnh đất đền bù, bố mẹ ông không có giấy tờ, văn bản tặng cho hay để lại di chúc cho vợ chồng ông C. Khi ông C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, lúc đó bố ông đã chết, mẹ ông còn sống, mẹ ông không ký kết giấy tờ gì cho ông C nên mảnh đất xã đền bù cho ông C 368m<sup>2</sup> là đất của bố mẹ ông để lại. Việc NLC3 trình bày khi xã làm sông, làm đường có phạm vào nhà đất mà vợ chồng ông C NLQ1 ở có 3m<sup>2</sup> là không đúng. Ông cũng không nhất trí với quan điểm của Ủy ban nhân dân xã X thể hiện trong biên bản thu thập chứng cứ ngày 27-01-2021. Quan điểm của ông, xã làm sông làm đường đã phạm vào 2/3 ngôi nhà (hơn 30m<sup>2</sup> đất). Nhà đất của bố mẹ ông, bố mẹ ông cho ông C, xã làm sông làm đường phạm vào đất của bố mẹ ông thì xã mới đền bù cho vợ chồng ông C vào phía trong ở.

Nay ông khởi kiện ông C đúng như trước đây ông T khởi kiện ông, vì trước đây vợ chồng ông, mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong vụ án, ông T khởi kiện ông, khi Tòa án giải quyết lấy lý do bố mẹ ông chưa có văn bản cho vợ chồng ông, nên vẫn giải quyết chia thừa kế theo đơn khởi kiện của ông T. Bố mẹ ông không có bất kỳ văn bản giấy tờ gì xác nhận cho vợ chồng ông C ngôi nhà 03 gian phía ngoài. Diện tích đền bù 368m<sup>2</sup>

vợ chồng ông C đang ở, bố mẹ ông không có văn bản giấy tờ cho vợ chồng ông C, tuy nhiên phải khẳng định, nguồn gốc đất vợ chồng ông C đang ở là có nguồn gốc nhà đất của bố mẹ ông, xã nắn sông làm đường và đền bù chuyển đổi cho vợ chồng ông C vào phía trong.

Nay quan điểm của ông: Kỷ phần của ông C được hưởng của vụ án trước; Tòa án hai cấp đã chia cho ông C thì ông C NLQ1 hiến lại cho anh em con cháu 100m<sup>2</sup> để làm từ đường, cho rộng rãi khang trang, diện tích để làm từ đường trước đây 50m<sup>2</sup> thì quá hẹp, không hợp về phong thủy, nếu ông C NLQ1 và người đại diện theo ủy quyền là ông T không đồng ý, thì ông đề nghị Tòa án xác định 368m<sup>2</sup> đất trong tổng 430m<sup>2</sup> đất vợ chồng ông C NLQ1 hiến sử dụng là di sản của Cụ C cụ T và chia thừa kế theo quy định của pháp luật, ông và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xin nhận bằng đất để xây từ đường.

\* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 vắng mặt, không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, ông C NLQ1 đã có các đơn gửi đến Tòa án với nội dung: Đất đai của gia đình ông bà có suốt từ năm 1969 đến nay, là do ông bà mua và được xã giải quyết cho đất như với nhiều gia đình khác lúc bấy giờ, ông bà được Nhà nước công nhận cấp sổ đỏ từ năm 1998, trong suốt thời gian từ trước đến nay ông bà xây dựng nhà cửa và cải tạo đất, kể cả khi bố mẹ còn sống, anh chị em không ai có ý kiến gì. Bố mẹ không có giấy tờ yêu cầu đòi chủ quyền, hay yêu cầu chia di sản thừa kế mảnh đất này, đất của gia đình ông bà không liên quan đến quyền sở hữu của bố mẹ. Sau đó ông và bà đã có văn bản ủy quyền cho ông T cũng là đương sự trong vụ án tham gia tố tụng.

\* Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của ông C, NLQ1 và ông T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông T trình bày: Về quan hệ anh chị em trong gia đình như Ông Q trình bày là đúng. Khi còn sống cụ C, cụ T có mảnh đất ở 09 miếng tại xóm 6a, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, nay thuộc Xóm 5, xã X. Trên đất có một nhà gỗ cấp 4 năm gian lợp bởi. Ngoài nhà đất này, bố mẹ ông không còn nhà đất, tài sản nào khác. Khi vợ chồng Ông Q ở cùng với bố mẹ là hai cụ C, vợ chồng Ông Q đã phá nhà gỗ của bố mẹ và làm lại nhà mái bằng 03 gian cho bố mẹ cũng như vợ chồng con cái Ông Q ở.

Trước đây, ông khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế đối với bị đơn là ông Q. Việc Ông Q trình bày Tòa án nhân dân huyện X và Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã phán quyết như lời trình bày của Ông Q là đúng.

Ông C NLQ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 710m<sup>2</sup> đất tại Xóm 5, xã X. Năm 2017 vợ chồng ông C chuyển nhượng cho con gái con rể là NLC2 và NLC1 diện tích 300m<sup>2</sup>, năm 2018 vợ chồng NLQ15 NLC1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của vợ chồng ông C NLQ1 còn lại là 410m<sup>2</sup>, trên đất vợ chồng ông C xây nhà 03 gian cấp 4 lợp ngói và 02

gian bếp lợp ngói, có ao, vườn. Đất đai của vợ chồng ông C NLQ1 đang ở và một phần đã chuyển nhượng cho vợ chồng con gái là do xã nấn sông làm đường vào một phần đất của hộ ông C ở, nên xã đã chuyển đổi cho hộ ông C vào phía trong, ngoài ra hộ ông C được xã cấp, giao đất; vợ chồng ông C mua thêm đất của cụ Tắc. Lý do xã cấp đất, giao đất cho hộ ông C là khi chuyển đổi cho nhà ông C vào phía trong là do hộ dân không có đất, hoặc thiếu đất làm nhà, xã cấp đất, giao đất là thực hiện chính sách như với nhiều gia đình khác thời bấy giờ. Vợ chồng ông C được Nhà nước công nhận cấp sổ đỏ cho vợ chồng năm 1998. Đất ông C , NLQ1 sử dụng từ những năm 1970 là của riêng ông C , NLQ1, không phải là đất của bố mẹ, trong suốt thời gian từ trước đến nay gia đình ông C xây dựng nhà cửa và cải tạo đất, ngay cả khi bố mẹ còn sống bố mẹ cũng không nói đất ông bà C đang ở là đất của bố mẹ, anh chị em ông từ trước đến nay cũng không ai có ý kiến gì, bố mẹ không có giấy tờ gì yêu cầu đòi chủ quyền, hay yêu cầu chia di sản thừa kế mảnh đất này, đất của gia đình ông C không liên quan tới quyền sở hữu của bố mẹ ông.

Việc ông khởi kiện Ông Q ở vụ án Tòa án hai cấp đã giải quyết trước đây và vụ án hiện nay Ông Q khởi kiện ông C là hoàn toàn khác nhau. Ở vụ án trước đây, Ông Q đã lôi kéo các anh em gây áp lực, yêu cầu ông phải rút đơn kiện nếu không sẽ kiện ông C , khi ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì Ông Q lại xoay sang chiêu bài xây từ đường ở ngoài mặt đường. Vụ án trước đã giải quyết xong thì nay Ông Q lại ép ông C để lại kỷ phần của ông C để làm từ đường, thực ra mục đích của Ông Q là muốn lấy đất để làm chỗ để xe ô tô. Nay ông C , NLQ1 và bản thân ông phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Q : Ông Q không được lấy lý do đất làm từ đường để khởi kiện ông C . Trong đơn kháng cáo của vụ án trước đây Ông Q đều ghi đề nghị Tòa án không chia đất cho ông C và không chia cho NLQ4, nay Ông Q trình bày như vậy là có mâu thuẫn. Diện tích đất của ông C (tên gọi khác là Đ) đã được xác định hợp pháp từ năm 1976 là 710m<sup>2</sup>, quá trình sử dụng hộ ông C đã chuyển nhượng cho con gái con rể 300m<sup>2</sup>, hộ ông C còn lại là 410m<sup>2</sup>, kết quả đo đạc thực tế hộ ông C sử dụng là 430m<sup>2</sup>.

Nay ông yêu cầu Ông Q phải chứng minh được đất ông C NLQ1 đang quản lý sử dụng trong đó có 368m<sup>2</sup> đứng tên của bố mẹ ông, là đất của cụ C, cụ T để lại, Ông Q nói đất của hộ ông C là do đền bù thì đền bù cụ thể là bao nhiêu, giấy tờ đền bù đất cụ thể ra sao (khi xã đền bù thì đền bù cho ông C chứ không phải là đền bù cho bố mẹ), còn đất của xã hội giao cho, cấp cho ông C là việc khác, Ông Q không có quyền khởi kiện. Ông Q phải chứng minh được tài liệu chứng cứ về việc bố mẹ ông yêu cầu chia thừa đất mà vợ chồng ông C NLQ1 đang sử dụng để chia cho các con. Còn nếu nguyện vọng của ông như trên không được chấp nhận mà Tòa án xác định thừa đất ông C NLQ1 đang sử dụng trong đó có 368m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của bố mẹ ông, mà ông được hưởng, được chia thì ông xin nhận bằng đất, phần được hưởng, được chia ông sẽ để lại toàn bộ cho vợ chồng ông C , NLQ1, ông C NLQ1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ4 trình bày:

Trước đây, ông C NLQ1 ở ngôi nhà phía ngoài lợp mái rạ, khoảng năm 1970 xã làm đường nắn sông có vào nhà phải chuyển đi, ông bà C mua đất của mấy người trong đó có mua của cụ lang Tắc, rồi được chính quyền giải quyết đất ở như giải quyết với một số người khác. Suốt từ năm 1970 đến giờ ông C ở trên đất mới ổn định, được Nhà nước công nhận hợp pháp, ngay cả khi bố mẹ còn sống, bà chưa bà giờ nghe các cụ nói đất này là đất của hai cụ, anh chị em không ai có ý kiến gì, bố mẹ bà cũng không có giấy tờ gì để đòi quyền sở hữu trên mảnh đất tên ông C NLQ1. Bà không đồng ý xác định đất của ông C là di sản thừa kế của bố mẹ.

\* Người làm chứng:

1. NLC1 và NLC2 trình bày: Ông bà là con rể, con gái của cụ C cụ Hoa. Trước năm 2016 cụ C cụ H có ý định chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác. Khi biết ý định của bố mẹ, vợ chồng ông bà muốn giữ lại đất của các cụ nên đã hỏi mua. Năm 2016 cụ C cụ H đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng ông diện tích 300m<sup>2</sup> đất nằm phía Nam thổ đất vườn mà trước đây bố mẹ mua của NLC3. Khi bố mẹ làm thủ tục tặng cho vợ chồng ông bà, thì vợ chồng ông bà phải làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất vì 300m<sup>2</sup> đất này là đất vườn, nên phải chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất thổ cư khoảng 100m<sup>2</sup> thì mới làm thủ tục cấp sổ đỏ được. Sau khi làm thủ tục chuyển đổi xong, đến năm 2019 vợ chồng ông đã được cấp sổ đỏ mang tên NLC1, NLC2. Đối với đất ao của bố mẹ đang sử dụng là nằm ở phía Tây thửa đất, còn phần đất Ông Q khởi kiện cụ C 368m<sup>2</sup> cho là đất thừa kế của cụ C, cụ T nằm ở phía Bắc thổ đất. Phần đất cụ C cụ H tặng cho vợ chồng ông bà không liên quan gì đến phần thừa kế tranh chấp giữa Ông Q và vợ chồng cụ C.

2. NLC3 trình bày: Trước đây ông là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp xã X, ông phụ trách quản lý toàn bộ ruộng đất của xã. Ông nhớ khoảng năm 1969 hoặc năm 1970 xã làm sông làm đường có phạm vào phần đất mà vợ chồng ông C NLQ1 chỉ có 03m<sup>2</sup>, trên đất có nhà 3 gian lợp ngói, nhà đất ông C NLQ1 ở là do bố mẹ ông C là cụ C, cụ T cho, nên xã đã đền bù chuyển đổi cho vợ chồng ông C vào phía trong với diện tích là 1,2 sào trong đó có 8 miếng đất nổi và 4 miếng đất ao. Khi ở trong thổ đất này vợ chồng ông C có mua thêm của bố mẹ ông là ông T', bà C 04 miếng đất ở, thực tế 04 miếng đất ông C mua là của bố mẹ NLQ11 do ông ở trên đất này, nên trên bản đồ địa chính ghi tên ông là Song, khi ông chuyển xuống ở thổ đất tại xóm 5 mà hiện ông đang ở thì anh trai ông là Đ vẫn ở thổ đất của ông Đ cạnh thổ đất của bố mẹ ông đã bán cho ông C nhưng tên bản đồ lại là NLC3.

Công tác quản lý đất đai thời điểm năm 1969, năm 1970 rất dễ dàng, phạm vào đất của ông C NLQ1 03m<sup>2</sup> thì xã đã đền bù chuyển đổi 1,2 sào. Ngoài phần đất xã đền bù chuyển đổi cho vợ chồng ông C 1,2 sào, ông C mua thêm đất của bố mẹ ông 4 miếng thì vợ chồng ông C mua thêm đất của ai thì ông



không biết, ông được biết trước đây ông C bà T đã cho vợ chồng ông C phần nhà đất có ngôi nhà ngói 3 gian, sau đó xã nắn sông làm đường phạm vào đất 03m<sup>2</sup> của ông C , nên chuyển đổi vào trong, khi vợ chồng ông C NLQ1 chuyển đổi vào đất ở phía trong thì bản thân vợ chồng ông C bà T và các con của ông C bà T đều không ai có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện X ông Bùi Văn T trình bày:

Thửa đất gia đình ông C NLQ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 840188 diện tích 410m<sup>2</sup> đất tại thửa số 728 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính xã X lập năm 1997 (chỉnh lý năm 2017) do các cụ để lại cho ông C và NLQ1 được thể hiện trên bản đồ xã X lập năm 1976 tại thửa số 580 mảnh số 5 với diện tích là 572m<sup>2</sup> trong đó gồm 368m<sup>2</sup> đất thổ cư, 204m<sup>2</sup> đất ao. Đến bản đồ năm 1986 được thể hiện tại thửa đất số 819 tờ bản đồ số 1a với diện tích 432m<sup>2</sup> gồm 360m<sup>2</sup> đất thổ cư, 72 m<sup>2</sup> đất thổ canh. Đến bản đồ năm 1997 được thể hiện tại thửa 156 tờ bản đồ số 04 với diện tích 710 m<sup>2</sup> gồm 300 m<sup>2</sup> đất ở, 190 m<sup>2</sup> đất vườn tạp và 220 m<sup>2</sup> đất ao.

Năm 1997 UBND xã X tiến hành xem xét và lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn toàn xã thì gia đình ông C (Đ) có đơn xin Đ ký quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 1646m<sup>2</sup> trong đó có 710m<sup>2</sup> đất tại thửa số 156 tờ bản đồ số 04 bản đồ xã X lập năm 1997. Sau khi gia đình ông C có đơn UBND xã đã thẩm định, xem xét và đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình. Trên cơ sở đề nghị của UBND xã X ngày 19-02-1998 UBND huyện X đã ban hành quyết định số 459/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2313 hộ dân xã X trong đó có hộ gia đình ông C .

Ngày 11-12-2017 gia đình ông C có đơn xin tách thửa đất số 156 tờ bản đồ số 04 của gia đình đã được cấp giấy chứng nhận thành 02 thửa là thửa số 728 với diện tích 410m<sup>2</sup> (gồm 190m<sup>2</sup> đất ở và 220m<sup>2</sup> đất ao) và thửa số 729 với diện tích 300m<sup>2</sup> (gồm 110m<sup>2</sup> đất ở và 190m<sup>2</sup> đất vườn). Ngày 15-12-2017 ông C NLQ1 có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 729 cho NLQ11 và NLC2 (NLC2 là con gái ông C NLQ1) có xác nhận của UBND xã X .

Sau khi hoàn thành các thủ tục theo quy định cùng ngày 08-02-2018 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 840188 với diện tích 410m<sup>2</sup> gồm 190m<sup>2</sup> đất ở và 220m<sup>2</sup> đất ao tại thửa số 728 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính xã X lập năm 1997 (chỉnh lý năm 2017) cho ông C và NLQ1 và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 840189 với diện tích 300m<sup>2</sup> gồm 110m<sup>2</sup> đất ở và 190m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 729 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính xã X lập năm 1997 (chỉnh lý năm 2017) cho NLQ11 NLC2 .

Từ sau khi gia đình ông C NLQ1 sử dụng đất và sau này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình vẫn sử dụng ổn định và không phát sinh

tranh chấp. Việc kê khai Đ ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C NLQ1 năm 1998 là theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và căn cứ vào hồ sơ địa chính của xã X đã thực hiện theo đúng trình tự quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998.

Về hồ sơ tách thửa của gia đình ông C và NLQ1 năm 2017 cũng như thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất con gái là NLC2 cùng chồng là NLQ11 sau đó được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013.

\* Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X : Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tranh chấp: Khi còn sống cụ C, cụ T có mảnh đất ở tại xóm 6a, xã X, nay là Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N. Trên thổ đất của Cụ C cụ T có hai ngôi nhà, một ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ nằm ngoài mặt đường và một ngôi nhà gỗ năm gian mái lợp rạ ở phía trong. Sau khi ông C kết hôn với NLQ1, vợ chồng ông C ở ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ ngoài mặt đường, hai Cụ C và những người con khác của các cụ ở nhà phía trong. Khoảng năm 1969 hoặc năm 1970 xã X nắn sông và làm đường phạm vào 03m<sup>2</sup> đất của vợ chồng ông C NLQ1 đã được bố mẹ ông C là cụ C, cụ T cho vợ chồng ông C ở nhà 03 gian phía ngoài. Xã đã đền bù chuyển đổi cho vợ chồng ông C vào mảnh đất phía bên trong ngõ với diện tích 1,2 sào là đất công của xã trong đó có 08 miếng đất nổi và 04 miếng đất ao. Sau khi gia đình ông C chuyển vào vị trí đất này vợ chồng ông C đã kiến thiết xây dựng nhà ở.

Theo hồ sơ giấy tờ thì không thể hiện việc Cụ C cụ T cắt chia đất cho vợ chồng ông C, nhưng thực tế vợ chồng ông C đã ở 03 gian nhà phía ngoài của Cụ C cụ T, sau đó xã làm sông làm đường và đã đền bù cho gia đình ông C 03m<sup>2</sup> đất bằng 1,2 sào đất (chứ không phải là 368m<sup>2</sup> đất như lời đương sự trình bày). Như vậy, có thể khẳng định mặc dù ông C không được bố mẹ chia đất bằng văn bản giấy tờ nhưng vợ chồng ông C đã được bố mẹ cho đất ở, thực tế khi UBND xã làm sông làm đường vào một phần đất của hộ ông C thì hộ ông C đã được đền bù đất như vậy được coi là ông C đã được cụ C, cụ T cắt chia đất cho rồi.

Theo bản đồ năm 1976 tại mảnh 5 chủ sử dụng là Đ (ông C có tên gọi khác là Đ) thửa 580 có diện tích 572m<sup>2</sup> trong đó 204m<sup>2</sup> là đất ao.

Bản đồ năm 1987, tại thửa số 819, tờ bản đồ số 1a chủ sử dụng đất Đ với diện tích đất là 432m<sup>2</sup> trong đó đất thổ cư là 360m<sup>2</sup>, thổ canh là 72m<sup>2</sup> sổ mục kê ruộng đất lập năm 1986 thể hiện ông Đ diện tích 752m<sup>2</sup>, trong đó thổ cư 356m<sup>2</sup>, đất ao 252m<sup>2</sup>, đất canh 144m<sup>2</sup>. Như vậy, bản đồ năm 1987 không thể hiện đất ao của hộ ông C, đối chiếu với bản đồ lập năm 1976 diện tích giảm 140m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng ông C có mua của NLC3 190m<sup>2</sup> đất vườn.

Bản đồ năm 1990, tại thửa 176 thể hiện ông C sử dụng 710m<sup>2</sup> (thổ cư 300m<sup>2</sup>, vườn 190m<sup>2</sup>, ao 220m<sup>2</sup>); thực tế NLC3 cung cấp là ông C mua của ông T' bà C là bố mẹ của NLC3 4 miếng đất thổ = 144m<sup>2</sup> nhưng trên bản đồ đúng

tên NLC3 vì NLC3 sử dụng và ở đất đó. Sổ mục kê thống kê đất đai ngày 06-6-1990 thể hiện thửa số 156, tờ bản đồ số 04 tên sử dụng đất là Nguyễn Văn Đ (tức C ) với diện tích 710m<sup>2</sup> (thổ cư 300m<sup>2</sup>, vườn 190m<sup>2</sup>, ao 220m<sup>2</sup>).

Bản đồ năm 1997 tờ bản đồ số 04 thể hiện tên là Đ (C ) thửa 156 diện tích 710m<sup>2</sup> trong đó thổ cư 300m<sup>2</sup>, vườn 190m<sup>2</sup>, ao 220m<sup>2</sup>. Bản đồ lập năm 1997 cũng là bản đồ năm 1990.

Cuối năm 2017 ông C NLQ1 làm thủ tục tách thửa, chuyển nhượng cho con gái và con rể là NLQ11, NLC2 diện tích 300m<sup>2</sup> trong đó 110m<sup>2</sup> đất ở, 190m<sup>2</sup> đất vườn. Diện tích đất biến động qua các thời kỳ do quá trình đo đạc có sai số.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C , NLQ1 là cấp đại trà. Ông C , NLQ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 840188 ngày 08-02-2018 diện tích 410m<sup>2</sup> thuộc thửa số 728, tờ bản đồ số 04. NLC1, NLC2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 840189 ngày 08-02-2018 diện tích 300m<sup>2</sup> thuộc thửa số 729, tờ bản đồ số 04.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C NLQ1 thì việc đóng góp nghĩa vụ tài chính với nhà nước về nhà đất do ông C NLQ1 thực hiện. Còn hộ NLQ11 NLC2 không phải đóng góp nghĩa vụ tài chính với nhà nước vì những năm gần đây không phải đóng góp nghĩa vụ tài chính.

Kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 14-01-2021: Đất Ông Q khởi kiện ông C thuộc thửa số 728, tờ bản đồ số 04, địa chính xã X , diện tích đo đạc thực tế 430m<sup>2</sup>; diện tích đo đạc thực tế cao hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20 m<sup>2</sup> có thể sai số do đo đạc.

Trước đây địa phương không nhận được văn bản giấy tờ thể hiện Cụ C cụ T để lại di chúc, hoặc có văn bản cho đất vợ chồng ông C NLQ1, địa phương cũng không nhận được đơn từ khiếu nại về việc tranh chấp đất của Cụ C cụ T gửi Ủy ban nhân dân xã X .

\* Kết quả khảo sát xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 14 tháng 01 năm 2021 thể hiện: Diện tích đo đạc thực tế hộ ông C tại thửa số 728 là 430m<sup>2</sup>; diện tích đo đạc thực tế hộ NLQ11 tại thửa số 729 là 300m<sup>2</sup>; giá đất là 8.000.000đ/m<sup>2</sup>.

- Công trình xây dựng và cây trồng trên đất: 01 nhà cấp 4, mái ngói xi măng, nhà bếp ; công trình phụ; tường hoa bao loan thổ đều đã hết khấu hao, không còn giá trị sử dụng; sân bê tông trước nhà, cổng ngõ, hai trụ cổng; liên sát nhà ở và trước sân có đất vườn, trên đất có trồng một số cây bưởi, cây xoài và rau.

Tại bản án dân sự số 16/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án huyện X , tỉnh Nam Định đã quyết định. Căn cứ vào Điều 5, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ông Nguyễn Văn C . Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và miễn án phí cho ông Q .

Ngày 26-4-2021 ông Nguyễn Văn Q kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm đã xử không khách quan và nhận định không chính xác chưa công bằng. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là xác định 368m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của Cụ C cụ T và chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Ông Q giữ nguyên đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông.

Ông T là người đại diện theo ủy quyền của ông C , NLQ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q , đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q :

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Cụ Nguyễn Văn C , chết năm 1991, cụ Lương Thị T (tên gọi khác Nguyễn Thị C ), chết năm 2007. Cụ C và cụ T có 07 người con đẻ gồm: Ông Nguyễn Văn C , NLQ2, NLQ4, bà Nguyễn Thị I, ông Nguyễn Văn T , NLQ5 và ông Nguyễn Văn Q .

[3] Bà Nguyễn Thị I (chết năm 2009, bà I có chồng là NLQ11 và 4 người con gồm: NLQ12 , NLQ13, NLQ14, NLQ15 ),

[4] Trước khi Cụ C lấy cụ T, thì Cụ C có vợ là cụ M có 01 người con đẻ là ông Nguyễn Đức H chết ngày 14-11-2009, ông H có vợ là NLQ6 và có 4 người con gồm: NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10.

[5] Khi còn sống cụ C, cụ T có mảnh đất ở tại xóm 6a nay là Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh N. Trên đất có một ngôi nhà xây 03 gian nằm ở phía ngoài giáp trục đường xã và có 01 ngôi nhà gỗ 05 gian ở phía trong. Năm 1956 ông C kết hôn với NLQ1, Cụ C và cụ T cho vợ chồng ông C ở ngôi nhà xây 03 gian phía ngoài, còn cụ C, cụ T và các con khác ở ngôi nhà gỗ 05 gian phía trong.

[6] Khoảng năm 1969 hoặc năm 1970 xã X nắn sông, làm đường phạm vào 03m<sup>2</sup> đất, trên đất có nhà mà vợ chồng ông C NLQ1 đang ở, UBND xã X đã chuyển đổi cho vợ chồng ông C vào mảnh đất phía bên trong ngõ với diện tích 1,2 sào là đất công của xã trong đó có 08 miếng đất nổi và 04 miếng đất ao. Sau khi, nhận đất chuyển đổi năm 1970 vợ chồng ông C đã xây nhà ở 3 gian lợp ngói, 01 nhà bếp có 02 gian, bể nước, nhà vệ sinh; khi đó Cụ C và cụ T còn sống không có ý kiến gì và các con Cụ C và cụ T cũng không có ý kiến gì. Vợ chồng ông C đã sử dụng đất chuyển đổi ổn định, liên tục từ năm 1969, năm 1970 cho đến nay đã trên 30 năm và ông C đã đứng tên trên bản đồ từ năm 1976, đứng tên trong sổ mục kê năm 1986, đứng tên trong sổ mục kê thống kê đất đai ngày 06-6-1990; đứng tên trên bản đồ năm 1990 và bản đồ năm 1997.

[7] Quá trình sử dụng đất vợ chồng ông C đã nhận chuyển nhượng đất của cụ T cụ C là bố mẹ của NLC3 4 miếng đất thổ = 144m<sup>2</sup> nhưng trên bản đồ đứng tên NLC3 vì NLC3 ở và sử dụng đất. Năm 2000 ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 710m<sup>2</sup> thuộc thửa 156. Năm 2017 vợ chồng ông C tặng cho vợ chồng con gái là NLC2 và con rể là NLC1 300m<sup>2</sup>, ngày 08-02-2018 NLQ11, NLC2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 840189. Diện tích đất còn lại là 410m<sup>2</sup> thuộc thửa 156 tờ bản đồ số 4 vợ chồng ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Q đề nghị cấp phúc thẩm xác định 368m<sup>2</sup> là di sản của Cụ C và cụ T để lại nằm trong thửa 156 tờ bản đồ số 4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C và NLQ1 và chia thừa kế mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do Ông Q là người cao tuổi căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Q.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q . Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc xác định 368m<sup>2</sup> đất là di sản của Cụ C và cụ T để lại nằm trong thửa 156 tờ bản đồ số 4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn C và NLQ1 ngày số CK840188 ngày 08-02-2018 và chia thừa kế 368m<sup>2</sup> đất.

3. Miễn án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Q .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Vũ Thị Thu**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện X ;
- Chi cục THADS huyện X ;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu**